CPA VIETNAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP IDJ (IDJ FINANCIAL)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014

Digitally signed by
V THÚY HIN
Date: 2015.03.31
12:05:10 +07:00

V
THÚY
HIN

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102186593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 18/9/2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDJ INTERNATION FINANCIAL INVESTMENT AND ENTEPRISE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: IDJ FINANCIAL.,JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: IDJ.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 16, tòa nhà văn phòng Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Công ty con được hợp nhất gồm:

Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ là Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn.

Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005. Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn có trụ sở tại: Xóm Nước Vải, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tổng Vốn điều lệ là 22.700.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ chiếm 99,91% vốn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đức Thành	Chủ tịch	
	Ông Trần Trọng Hiếu	Phó chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 03/3/2014)
	Ông Trần Trọng Hiếu	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 03/3/2014)
	Ông Phạm Xuân Hà	Thành viên	
	Ông Đỗ Trung Thiện	Thành viên	
	Ông Yoshihiro	Thành viên	
	Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/4/2014)
	Ông Trần Vũ Phương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/4/2014)
	Ông Lê Văn Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/4/2014)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Trung Phương	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/8/2014)
	Ông Vũ Hoàng Phương	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/8/2014)
	Ông Vũ Hoàng Phương	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/7/2014)
	Ông Trần Viết Giang	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/7/2014)
	Ông Trần Viết Giang	P.Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/7/2014)
	Ông Trần Viết Giang	P.Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 16/11/2014)
	Ông Trương Đức Thắng	P.Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 24/01/2014)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến 31/12/2014. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 để Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Trung Phương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building
Số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
T +84 (4) 3 783 2121
F +84 (4) 3 783 2122
E info@cpavietnam.vn
W www.cpavietnam.vn

Số: 250/2015/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến 31/12/2014
của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Quốc tế và Phát triển doanh nghiệp IDJ, được lập ngày 25/3/2015, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

An independent member firm of MOORE STEPHENS INTERNATIONAL LIMITED

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phan Thanh Nam	**Nguyễn Thị Mai Hoa**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2013-075-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2013-075-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014 VND	08/4/2014 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**20.793.935.615**	**25.058.486.882**
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**4.050.712.855**	**3.795.456.862**
1. Tiền	111		4.050.712.855	3.795.456.862
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**14.300.000.000**	**300.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	14.300.000.000	300.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.725.368.566**	**20.036.561.887**
1. Phải thu khách hàng	131		5.306.469.763	15.034.199.996
2. Trả trước cho người bán	132		330.721.603	363.721.603
5 Các khoản phải thu khác	135	5.3	10.295.756.052	11.864.798.001
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(14.207.578.852)	(7.226.157.713)
IV- Hàng tồn kho	**140**		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**717.854.194**	**926.468.133**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		20.635.046	292.353.476
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		438.441.309	436.573.273
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		22.739	577.284
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	258.755.100	196.964.100
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260+269)	**200**		**261.538.498.601**	**318.113.502.721**
I Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**307.930.000**	**1.307.930.000**
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.5	307.930.000	1.307.930.000
II Tài sản cố định	**220**		**20.469.315.625**	**20.852.989.590**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	3.660.136.357	154.689.585
- Nguyên giá	*222*		*5.408.227.127*	*1.654.241.122*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(1.748.090.770)*	*(1.499.551.537)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	16.809.179.268	6.381.250.000
- Nguyên giá	*228*		*16.897.350.000*	*6.381.250.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(88.170.732)*	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	-	14.317.050.005
III. Bất động sản đầu tư	**240**	**5.9**	**167.697.517.185**	**201.798.921.896**
1. Nguyên giá	241		184.821.353.201	218.569.719.130
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(17.123.836.016)	(16.770.797.234)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.10**	**54.228.682.931**	**71.127.124.846**
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		54.228.682.931	71.127.124.846
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**7.432.208.416**	**10.706.536.389**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	7.432.208.416	10.706.536.389
VI. Lợi thế thương mại	**269**	**5.12**	**11.402.844.444**	**12.320.000.000**
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**282.332.434.216**	**343.171.989.603**

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014 VND	08/4/2014 VND
A-	**NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)**	**300**		**7.537.434.912**	**43.656.065.993**
I-	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**7.353.011.138**	**43.645.665.993**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	3.233.935.511	5.928.122.532
2.	Phải trả người bán	312		215.759.660	35.443.401.159
3.	Người mua trả tiền trước	313		26.402.634	3.665.409
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	1.912.098.219	219.395.818
5.	Phải trả người lao động	315		-	197.642.089
6.	Chi phí phải trả	316		493.526.737	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	430.315.000	484.602.281
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		1.040.973.377	1.368.836.705
II-	**Nợ dài hạn**	**330**		**184.423.774**	**10.400.000**
3.	Phải trả dài hạn khác	333		184.423.774	10.400.000
B-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)**	**400**		**274.776.199.781**	**299.496.781.682**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.16**	**274.776.199.781**	**299.496.781.682**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		326.000.000.000	326.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		1.523.000.000	1.523.000.000
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(52.746.800.219)	(28.026.218.318)
C -	**LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**	**439**		**18.799.524**	**19.141.928**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	**440**		**282.332.434.216**	**343.171.989.603**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Thu Lan	Đỗ Thị Cẩm Tú	Nguyễn Trung Phương

Mẫu B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	31.436.338.501
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		31.436.338.501
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.18	37.639.257.164
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**(6.202.918.663)**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	29.924.552
7.	Chi phí tài chính	22	5.20	6.973.309.368
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*462.871.868*
8.	Chi phí bán hàng	24		159.167.078
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.258.026.483
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}**	**30**		**(26.563.497.040)**
11.	Thu nhập khác	31	5.21	37.721.601
12.	Chi phí khác	32	5.21	307.144.452
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**(269.422.851)**
14.	**Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh**	**45**		**2.111.995.585**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)**	**50**		**(24.720.924.306)**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	-
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**(24.720.924.306)**
19.	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		(342.405)
20.	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ**	**62**		**(24.720.581.901)**
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	**(758,31)**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Thu Lan	Đỗ Thị Cẩm Tú	Nguyễn Trung Phương

Mẫu B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
1	2	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. *Lợi nhuận trước thuế*	**01**	**(24.720.924.306)**
2. *Điều chỉnh cho các khoản*		
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.481.031.021
- Các khoản dự phòng	03	6.981.421.139
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	17.605.953.539
- Chi phí lãi vay	06	462.871.868
3. *Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*	**08**	**3.810.353.261**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	22.658.827.662
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(33.091.116.732)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.546.046.403
- Tiền lãi vay đã trả	13	(462.871.868)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.000.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(327.863.328)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(2.866.624.602)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(20.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	19.831.643.064
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	29.924.552
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**5.841.567.616**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.233.935.331
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.928.122.352)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(25.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(2.719.687.021)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**	**255.255.993**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**3.795.456.862**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**4.050.712.855**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Thu Lan	Đỗ Thị Cẩm Tú	Nguyễn Trung Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102186593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 18/9/2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDJ INTERNATION FINANCIAL INVESTMENT AND ENTEPRISE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: IDJ FINANCIAL.,JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 là 326.000.000.000 đồng.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: IDJ.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 16, tòa nhà văn phòng Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005. Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn có trụ sở tại: Xóm Nước Vải, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tổng Vốn điều lệ là: 22.700.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ chiếm 99,91% vốn.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng cơ bản hạ tầng);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ quản lý và điều hành sàn giao dịch bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh, thương mại điện tử, dịch vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tư vấn mua bán doanh nghiệp;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính, dịch vụ định giá tài sản (không bao gồm những tài sản thuộc quyền của Nhà nước));
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng internet);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không bảo gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng karaoke, vũ trường));
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), buôn bán vật tư máy móc, thiết bị phục vụ ngày xây dựng, giao thông, thủy điện, buôn bán vật liệu xây dựng);
- Quảng cáo (Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng nhà máy thủy điện, nhà máy xi măng, văn phòng, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, các công trình phục vụ giáo dục, y tế (trường học, bệnh viện).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: kinh doanh điện);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), khai thác vật liệu xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động chuyển giao công nghệ);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiêu học;
- Giáo dục chuyên nghiệp (Chi tiết: Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp);
- Đào tạo cao đẳng;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dạy ngoại ngữ, dạy máy vi tính);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa; xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình bên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê);
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Chi tiết: Tư vấn giáo dục);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Chi tiết: Tư vấn và giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động));

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014 là: Cho thuê ngắn hạn và dài hạn Văn phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn.

Năm tài chính/kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch, Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009, hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Namvà các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 là hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Từ ngày 08/4/2014, Công ty hợp nhất Báo cáo của Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn trên cơ sở Hợp đồng mua bán số 03/2014/HDCNCP ngày 08/4/2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các tài sản như sau:

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/204 đến ngày 31/12/2014 (Số năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại: Xóm Nước vải, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng phần mềm quản lý chưa quyết toán đưa vào sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sở hữu nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê ngắn hạn hoặc dài hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 46 năm 9 tháng kể từ ngày 01/9/2010.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Chi phí thiết kế, hoàn thiện nội thất trung tâm thương mại; Chi phí thuê hệ thống thoát khí, cung cấp ga, tường kính và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc thanh toán các chi phí quản lý Trung tâm thương mại và Văn phòng. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phân kinh doanh là cho thuê văn phòng, gian hàng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	08/4/2014 VND
Tiền mặt	3.718.112	59.688.699
Tiền gửi ngân hàng	4.046.994.743	3.735.768.163
Tổng	**4.050.712.855**	**3.795.456.862**

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014 VND	08/4/2014 VND
Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng	14.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	300.000.000	300.000.000
Tổng	**14.300.000.000**	**300.000.000**

(*): Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ngày 20/8/2012 khu vui chơi giải trí Funworld.

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	08/4/2014 VND
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	2.998.273	-
Ông Phạm Xuân Hà	-	1.500.000.000
Phí dịch vụ của các nhà đầu tư	9.963.539.008	9.970.409.201
Phải thu khác	329.218.771	394.388.800
Tổng	**10.295.756.052**	**11.864.798.001**

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	08/4/2014 VND
Tạm ứng	258.755.100	196.964.100
Tổng	**258.755.100**	**196.964.100**

5.5 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2014 VND	08/4/2014 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	307.930.000	1.007.930.000
Cho vay không có lãi (*)	-	300.000.000
Tổng	**307.930.000**	**1.307.930.000**

(*): Cho khách thuê TTTM vay không lãi suất dưới hình thức hỗ trợ.

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 08/4/2014	**-**	**1.148.538.373**	**505.702.749**	**1.654.241.122**
Tăng trong kỳ	**3.753.986.005**	**-**	**-**	**3.753.986.005**
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.753.986.005	-	-	3.753.986.005
Giảm trong kỳ	**-**	**-**	**-**	**-**
Số dư tại 31/12/2014	**3.753.986.005**	**1.148.538.373**	**505.702.749**	**5.408.227.127**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 08/4/2014	**-**	**996.424.569**	**503.126.968**	**1.499.551.537**
Tăng trong kỳ	**93.849.648**	**152.113.804**	**2.575.781**	**248.539.233**
Khấu hao trong kỳ	93.849.648	152.113.804	2.575.781	248.539.233
Giảm trong kỳ	**-**	**-**	**-**	**-**
Số dư tại 31/12/2014	**93.849.648**	**1.148.538.373**	**505.702.749**	**1.748.090.770**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 08/4/2014	**-**	**152.113.804**	**2.575.781**	**154.689.585**
Tại 31/12/2014	**3.660.136.357**	**-**	**-**	**3.660.136.357**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.654.241.122 đồng.

5.7 Tài sản cố định vô hình

Giá trị tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại: Xóm Nước Vải, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng phần mềm quản lý chưa quyết toán đưa vào sử dụng.

5.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị văn phòng trong Tòa nhà Văn phòng Charmvit và một số lô ki ốt tại Trung tâm Thương mại Grand Plaza dùng để cho thuê.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm với thời gian khấu hao là 46 năm 9 tháng kể từ ngày 01/9/2010.

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 08/4/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 31/12/2014
Nguyên giá	**218.569.719.130**	**-**	**33.748.365.929**	**184.821.353.201**
Văn phòng cho thuê	114.639.893.585	-	33.748.365.929	80.891.527.656
Trung tâm thương mại	75.656.955.545	-	-	75.656.955.545
Hầm để xe	28.272.870.000	-	-	28.272.870.000
Giá trị hao mòn lũy kế	**16.770.797.234**	**3.144.321.056**	**2.791.282.274**	**17.123.836.016**
Văn phòng cho thuê	8.910.615.272	1.446.121.292	2.791.282.274	7.565.454.290
Trung tâm thương mại	5.686.633.915	1.236.224.765	-	6.922.858.680
Hầm để xe	2.173.548.047	461.974.999	-	2.635.523.046
Giá trị còn lại	**201.798.921.896**	**-**	**-**	**167.697.517.185**
Văn phòng cho thuê	105.729.278.313	-	-	73.326.073.366
Trung tâm thương mại	69.970.321.630	-	-	68.734.096.865
Hầm để xe	26.099.321.953	-	-	25.637.346.954

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		08/4/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh		**54.228.682.931**		**71.127.124.846**
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục IDJ - AEC	2.791.000	45.321.028.584	4.041.000	63.776.080.430
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	990.000	8.810.640.637	990.000	7.226.167.188
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Giáo dục IDJ	237.100	97.013.710	237.100	124.877.228
Tổng	**4.018.100**	**54.228.682.931**	**5.268.100**	**71.127.124.846**

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển giáo dục IDJ - AEC	Hà Nội	125.000	22,328%	Xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục và cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng cao
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	Hà Nội	22.000	45%	Dịch vụ quản lý BĐS, quản lý tài sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Giáo dục IDJ	Hà Nội	7.060	33,58%	Cung cấp dịch vụ giáo dục

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Tại ngày 08 tháng 4	10.706.536.389
Tăng	383.877.220
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	3.658.205.193
Tại ngày 31 tháng 12	**7.432.208.416**

Chi tiết theo nội dung	31/12/2014 VND	08/4/2014 VND
Chi phí thiết kế, hoàn thiện nội thất TTTM	4.443.701.495	4.899.848.086
Chi phí thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn	509.194.161	524.447.161
Chi phí làm biển hiệu cho TTTM	-	1.237.070.854
Chi phí thuê HT thoát khí, cung cấp ga, tường kính	1.662.083.987	1.690.986.440
Chi phí sửa chữa lớn và làm nội thất VP	-	309.724.109
Chi phí bảo hiểm TTTM	-	148.447.870
Chi phí công cụ dụng cụ	197.958.940	70.908.445
Chi phí thuê ngắn hạn văn phòng	-	1.825.103.424
Chi phí khác	619.269.833	-
Tổng	**7.432.208.416**	**10.706.536.389**

5.12 Lợi thế thương mại

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Tại ngày 08 tháng 4	12.320.000.000
Tăng trong kỳ	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	917.155.556
Tại ngày 31 tháng 12	**11.402.844.444**

Lợi thế thương mại đang được phân bổ với thời gian là 10 năm.

5.13 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	08/4/2014 VND
Vay ngắn hạn	**2.233.935.511**	**2.928.122.532**
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	2.233.935.511	2.928.122.532
Vay ngắn hạn khác	**1.000.000.000**	**3.000.000.000**
Vay cá nhân	1.000.000.000	3.000.000.000
Tổng	**3.233.935.511**	**5.928.122.532**

Trong đó: Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng được đảm bảo bằng 2.036.000 Cổ phiếu loại mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu mà IDJF góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục IDJ-AEC. Lãi suất được cố định theo từng lần vay vốn.

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	08/4/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.879.421.770	190.004.573
Thuế thu nhập cá nhân	32.676.449	29.391.245
Tổng	**1.912.098.219**	**219.395.818**

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	08/4/2014 VND
Bảo hiểm xã hội	-	43.186.500
Bảo hiểm y tế	-	8.860.500
Bảo hiểm thất nghiệp	-	3.938.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	430.315.000	428.617.281
Phải trả tiền cổ tức	*424.740.000*	*418.050.577*
Các khoản khác	*5.575.000*	*10.566.704*
Tổng	**430.315.000**	**484.602.281**

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 08/4/2014	**326.000.000.000**	**1.523.000.000**	**(28.026.218.318)**	**299.496.781.682**
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	**24.720.581.901**	**24.720.581.901**
Giảm vốn	-	-	-	-
Lỗ	-	-	24.720.581.901	**24.720.581.901**
Số dư tại 31/12/2014	**326.000.000.000**	**1.523.000.000**	**(52.746.800.219)**	**274.776.199.781**

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Vốn góp tại ngày 08 tháng 4	326.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	326.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

c. Cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**32.600.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**32.600.000**
Cổ phiếu phổ thông	32.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**32.600.000**
Cổ phiếu phổ thông	32.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	*10.000*

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Doanh thu hoạt động cho thuê ngắn và dài hạn Trung tâm thương mại và Văn phòng	31.434.043.066
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.295.435
Tổng	**31.436.338.501**

5.18 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Giá vốn hoạt động cho thuê ngắn và dài hạn Trung tâm thương mại và Văn phòng	37.639.257.164
Tổng	**37.639.257.164**

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	29.924.552
Tổng	**29.924.552**

5.20 Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Lãi tiền vay	462.871.868
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	6.510.437.500
Tổng	**6.973.309.368**

5.21 Thu nhập khác, chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Thu nhập khác	
Thu nhập thanh lý công cụ dụng cụ	31.667.273
Thu nhập khác	6.054.328
Tổng	**37.721.601**
Chi phí khác	
Chi phí khác	307.144.452
Tổng	**307.144.452**
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	**(269.422.851)**

5.22 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(24.720.924.306)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập chịu thuế	**(24.720.924.306)**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**-**

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(24.720.924.306)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(24.720.924.306)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	32.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	**(758,31)**

5.24 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 31/12/2014
	VND
Chi phí nhân công	2.614.698.687
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	496.156.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.481.031.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.552.992.830
Chi phí khác bằng tiền	511.292.624
Chi phí dự phòng	7.226.157.713
Tổng	**15.882.329.416**

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2014 VND	08/4/2014 VND
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản IDJ Asset	Thuê tài sản	1.558.434.716	4.841.724.432

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2014 VND	08/4/2014 VND
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản IDJ Asset	Mua cổ phần	-	35.000.000.000

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2014 VND	08/4/2014 VND
Phạm Xuân Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị	Vay Công ty	-	1.500.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 08/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	24.019.558.927

6.2 Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cho thuê các gian hàng tại TTTM Grand Plaza và Văn phòng Charmvit tại Hà Nội, cả hai hoạt động đều là kinh doanh bất động sản nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

6.3 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	08/4/2014
Tài sản tài chính	**VND**	**VND**
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.050.712.855	3.795.456.862
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.910.155.815	28.206.927.997
Đầu tư ngắn hạn	14.300.000.000	300.000.000
Đầu tư dài hạn	54.228.682.931	71.127.124.846
Tổng	**88.489.551.601**	**103.429.509.705**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.233.935.511	5.928.122.532
Phải trả người bán và phải trả khác	646.074.660	35.928.003.440
Tổng	**3.880.010.171**	**41.856.125.972**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Đặc biệt các khoản công nợ phải thu các nhà đầu tư về các chi phí dịch vụ mà Công ty đã thực hiện chi trả trước cho nhà đầu tư.

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thánh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	**Dưới 1 năm**	**Từ 1- 5 năm**	**Tổng**
	VND	**VND**	**VND**
Các khoản vay	3.233.935.511	-	3.233.935.511
Phải trả người bán và phải trả khác	646.074.660	-	646.074.660
08/4/2014	**Dưới 1 năm**	**Từ 1- 5 năm**	**Tổng**
	VND	**VND**	**VND**
Các khoản vay	5.928.122.532	-	5.928.122.532
Phải trả người bán và phải trả khác	35.928.003.440	-	35.928.003.440

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có.

Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	**Dưới 1 năm**	**Từ 1- 5 năm**	**Tổng**
	VND	**VND**	**VND**
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.050.712.855	-	4.050.712.855
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.602.225.815	307.930.000	15.910.155.815
Đầu tư ngắn hạn	14.300.000.000	-	14.300.000.000
Đầu tư dài hạn	-	54.228.682.931	54.228.682.931
08/4/2014	**Dưới 1 năm**	**Từ 1- 5 năm**	**Tổng**
	VND	**VND**	**VND**
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.795.456.862	-	3.795.456.862
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.898.997.997	1.307.930.000	28.206.927.997
Đầu tư ngắn hạn	300.000.000	-	300.000.000
Đầu tư dài hạn	-	71.127.124.846	71.127.124.846

6.4 Số liệu so sánh

Đây là kỳ hợp nhất Báo cáo tài chính đầu tiên, do đó không có số liệu so sánh.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Thu Lan	Đỗ Thị Cẩm Tú	Nguyễn Trung Phương